

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 357/2021/HSST

Ngày : 24/11/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Dũng.

Ông Hồ Xuân Giao.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Y Khang ÊBan - Kiểm sát viên.

Ngày 24/11/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 325/2021/HSST, ngày 26/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 357/2021/QĐXXST-HS ngày 12/11/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Văn T** Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 19 tháng 7 năm 1983, tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn x, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 8/12; Họ và tên cha: Huỳnh C (chết). Họ và tên mẹ: Lê Thị K, sinh năm 1952. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/6/2021 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Anh Nguyễn Đức P – sinh năm: 1974 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. Anh Nguyễn Văn C – sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

Trú tại: Buôn D, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Cháu Nguyễn Thị Mỹ D – sinh ngày: 05/5/2017 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thị Mỹ D: Chị Nguyễn Thị T (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Đức P – sinh năm: 1974 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. Anh Nguyễn Văn B – sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn x, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Chị Tạ Thị Ngọc N – sinh năm: 1979 (Có mặt)

Trú tại: Thôn xz, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Chị Nguyễn Thị Q – sinh năm: 1974 (Vắng mặt).

Trú tại: Buôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn T đã có giấy phép lái xe hạng D số vczxcvxczcv do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/10/2018, có giá trị đến ngày 09/10/2023. Ngày 23/02/2021, T điều khiển xe Ô tô tải biển số 47C – scx.vz, tải trọng 3490kg chở chị Tạ Thị Ngọc N ngồi ghế bên phải xe, lưu thông trên đường liên thôn vc, xã K, thành phố B theo hướng từ đường Hồ Chí Minh về thôn v, xã K, thành phố B. Đến khoảng 08h30’ cùng ngày, khi đi đến trước trụ điện số 71/12 đường liên thôn vc thuộc nơi giao nhau (ngã tư) với đường liên thôn cv thuộc xã K, thành phố B (đường kênh Thủy lợi), không có báo hiệu đi theo vòng xuyến, trước khi vào nơi giao nhau theo hướng đi của T có đặt biển báo “205a – đường giao nhau cùng cấp”, đoạn đường vắng phương tiện và người lưu thông. T điều khiển xe chạy khoảng giữa đường với tốc độ khoảng 50km/h vào gần đến ngã tư, T quan sát phía trước và bên trái, không quan sát bên phải. Cùng lúc này, có xe Mô tô biển số 47P5 – svcx do anh Nguyễn Đức P (đã có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển chở con gái là Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn C ngồi phía sau, lưu thông trên đường liên thôn cv theo hướng từ thôn cv về đường liên thôn vc, xã Hòa Khánh hướng từ bên phải của T đến với tốc độ khoảng 40km/h – 45km/h và cũng gần vào ngã tư. Lúc này, anh P phát hiện thấy xe Ô tô của T nên liền đạp phanh làm xe trượt về phía trước vào ngã tư. Khi xe của anh P trượt về phía trước, bị cáo mới phát hiện thấy xe của anh P nên liền cho xe Ô tô tránh về bên phải theo hướng đi nhưng không kịp và đã để phía trước bên trái đầu xe Ô tô biển số 47C – scx.vz tông vào phía sau bên trái xe Mô tô biển số 47P5 – svcx, anh C ngồi sau bị văng đập lên kính chắn gió phía trước xe Ô tô biển số 47C – scx.vz. Hậu quả: Anh

Nguyễn Đức P, anh Nguyễn Văn C và cháu Nguyễn Thị Mỹ D bị thương và được đưa đi cấp cứu.

Về hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn: Đoạn đường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ là trước trụ điện số 71/12 nơi giao nhau giữa đường liên thôn vc với đường liên thôn cv, xã K, thành phố B. Là nơi giao nhau cùng mức của đường cùng cấp, không có đèn tín hiệu giao thông, không có vòng xuyên. Đường liên thôn vc thẳng, mặt đường bê tông rộng 3,50m, không có vạch sơn kẻ phân chia đường. Đường liên thôn cv (đường kênh Thủy lợi) thẳng, mặt đường bê tông rộng 3,00 m, không có vạch sơn kẻ phân chia phân đường; tại các góc giao nhau mở rộng hình vòng cung không đều nhau. Đoạn đường liên thôn vc trước khi vào nơi giao nhau theo hướng từ đường Hồ Chí Minh về thôn cv, xã Hòa Khánh có đặt biển báo “205a – đường giao nhau cùng cấp”, đoạn đường không có chướng ngại vật che khuất tầm nhìn của người tham gia giao thông.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, ghi nhận việc đánh số thứ tự vị trí phương tiện, dấu vết: (1) xe Ô tô biển số 47C – scx.vz; (2) xe Mô tô biển số 47P5 – svcx; (3) vết cày xước; (4) vết phanh; (5) vết ngã cỏ; (6) vết mảnh vỡ; (7) vết máu. Lấy mép đường bên phải đường liên thôn vc, xã K, thành phố B (gồm mép giả định) theo hướng từ đường Hồ Chí Minh về thôn v, xã K, thành phố B làm mép đường chuẩn, các số đo đến mép đường chuẩn được đo vuông góc. Lấy góc trụ điện số 71/12 ngoài mép đường chuẩn, đo đến mép đường chuẩn 2,50 m làm mốc cố định.

(1) Xe Ô tô biển số 47C – scx.vz do Huỳnh Văn T điều khiển sau khi xảy ra vụ tai nạn xe dừng tại bờ cỏ ngoài mép đường bên phải theo hướng đi, đầu xe quay về hướng Nam, đuôi xe quay về hướng Bắc. Tâm trục bánh trước bên trái đo vào mép đường chuẩn 7,20 m và cách mốc cố định về hướng Đông Nam là 16,50 m. Tâm trục bánh sau bên trái đo vào mép đường chuẩn 6,30 m.

(2) Xe Mô tô biển số 47P5 – svcx do anh Nguyễn Đức P điều khiển sau khi xảy ra vụ tai nạn, xe ngã bên phải, đầu xe quay về hướng Tây, đuôi xe quay về hướng Đông. Tâm trục bánh trước đo vào mép đường chuẩn 1,50 m. Tâm trục bánh sau đo vào mép đường chuẩn 0,55 m, cách tâm trục bánh sau bên trái xe Ô tô biển số 47C – scx.vz là 15,50 m và cách mép giả định gần nhất của đường liên thôn cv là 3,90 m.

(3) Vết cày xước, có kích thước (3,90 x 0,35)m, đứt quãng, có chiều hướng theo hướng đi của xe Ô tô biển số 47C – scx.vz. Tâm đầu vết cách mép đường chuẩn 2,00 m, tâm cuối vết tại góc chân trước bên trái xe Mô tô biển số 47P5 – svcx tiếp giáp với mặt đường.

(4) Vết phanh, có kích thước (4,00 x 0,15)m, tại mặt đường liên thôn cv, xã K, thành phố B, màu nâu đen, vết thẳng, có chiều hướng theo chiều đi của xe Mô tô biển số 47P5 – svcx. Tâm đầu vết đo vào mép đường chuẩn 7,00 m và cách tâm trục bánh trước xe Mô tô biển số 47P5 – svcx về hướng Đông Nam là

6,05 m, tâm cuối vết cách mép đường chuẩn 3,10 m và cách tâm vết cày xước là 1,00 m.

(5) Vết ngã cỏ, có kích thước (11,00 x 2,10)m, thẳng, bên ngoài mép đường bên phải và có chiều hướng theo hướng đi của xe Ô tô biển số 47C – scx.vz. Tâm đầu vết đo vào mép đường chuẩn 4,90 m, tâm cuối vết tương ứng với $\frac{1}{2}$ gầm trước xe Ô tô biển số 47C – scx.vz.

(6) Vết mảnh vỡ, có kích thước (5,10 x 2,80)m, tâm vết cách mép đường chuẩn 3,35 m, cách tâm trục bánh sau bên trái xe Ô tô biển số 47C – scx.vz là 7,00 m và cách tâm đầu vết ngã cỏ là 1,90 m.

(7) Vết máu, có kích thước (0,70 x 0,50)m, tâm vết cách mép đường chuẩn là 2,70 m và cách tâm trục bánh sau bên trái xe Ô tô biển số 47C – scx.vz là 3,90 m.

Căn cứ vào vị trí sau cùng của hai phương tiện, các dấu vết tại hiện trường, vị trí các dấu vết trên hai phương tiện và các tài liệu khác đã chứng minh, thu thập được. Xác định vị trí va chạm giữa xe Ô tô biển số 47C – scx.vz với xe Mô tô biển số 47P5 – svcx tương ứng với mặt đường tại nơi giao nhau, cách mép đường chuẩn 2,60 m, cách mép đường giả định gần nhất của đường liên thôn cv, xã K, thành phố B là 0,55 m và cách tâm đầu vết cày xước là 0,65 m.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 447/TgT-TTPY, ngày 15/4/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Đức P là: 62%.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 471/TgT-TTPY, ngày 15/4/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn C là: 37%.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 448/TgT-TTPY, ngày 16/4/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận thương tích của cháu Nguyễn Thị Mỹ D: 0%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 48/KLĐG ngày 18/3/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận:

+ Giá trị thiệt hại của xe Ô tô biển số 47C – scx.vz, trị giá: 17.400.000 đồng.

+ Giá trị thiệt hại của xe Mô tô biển số 47P5 – svcx, trị giá: 1.050.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 355/KSĐT – HS, ngày 26/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Huỳnh Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm c khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Khi bị cáo điều khiển xe Ô tô tải biển số 47C – scx.vz đến ngã tư đường giao nhau giữa đường liên thôn vc với đường

liên thôn cv, xã K, thành phố B; bị cáo có quan sát bên phải theo chiều đi. Xong, do phía bên phải theo chiều đi của bị cáo có căn nhà gần sát với đường, bị khuất tầm nhìn nên không quan sát thấy xe do anh Nguyễn Đức P điều khiển. Tuy nhiên, khi vào ngã tư bị cáo đã không cho xe giảm tốc độ đến mức an toàn và nhường đường cho xe đi từ bên phải nên đã dẫn đến vụ tai nạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Huỳnh Văn T và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Huỳnh Văn T mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Giao bị cáo cho UBND xã K, thành phố B giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 41, 42 BLHS; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 589, 590, 601 Bộ luật dân sự.

+ Về xử lý vật chứng:

Đề nghị chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả lại: 01 xe Ô tô biển số 47C – scx.vz, nhãn hiệu DOTHANH, loại xe: Ô tô tải có mui, màu sơn: Xanh, số máy: ZLQ cxvcxxzv, số khung: 17APKDzcxvz, số loại: IZ65-TMB, dung tích: 2771 cm³, số chỗ ngồi 3 đã qua sử dụng cùng 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số KD zxcxvc và 01 bản sao giấy đăng ký xe số zscxz mang tên Nguyễn Văn B cho chị Tạ Thị Ngọc N. Trả lại 01 xe Mô tô biển số 47P5 – svcx, nhãn hiệu Yamaha, loại xe nữ, màu sơn bạc – đen, dung tích 110cm³, số máy 5Ccxzv, số khung Czvxzvzx đã qua sử dụng cùng 01 giấy đăng ký xe số szxcxvc mang tên Nguyễn Thị Q cho chị Nguyễn Thị Q nhận quản lý, sử dụng. Trả lại 01 giấy phép lái xe hạng A1, số szvxvcz mang tên Nguyễn Đức P cho anh Nguyễn Đức P.

Đề nghị trả lại 01 giấy phép lái xe hạng D, số vcxzcvcxzc mang tên Huỳnh Văn T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác xét xử.

Đề nghị chấp nhận việc các bên thỏa thuận tự chịu trách nhiệm sửa chữa hư hỏng và chi phí sửa chữa xe Mô tô biển số 47P5 – svcx, xe Ô tô biển số 47C – scx.vz.

+ Về phân trách nhiệm dân sự: Đề nghị chấp nhận việc bị cáo Huỳnh Văn T và bà Tạ Thị Ngọc N đã tự nguyện bồi thường tiền chi phí điều trị, tiền tổn thất tinh thần và các khoản chi phí khác cho anh Nguyễn Đức P và cháu Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 50.000.000 đồng; bồi thường tiền chi phí điều trị, tiền tổn thất tinh thần và các khoản chi phí khác cho anh Nguyễn Văn C số tiền 60.000.000 đồng.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì thêm mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do vậy, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo, xét thấy: Vào ngày 23/02/2021, Huỳnh Văn T đã có giấy phép lái xe hạng D, điều khiển xe Ô tô tải biển số 47C – scx.vz lưu thông trên đường liên thôn vc, xã K, thành phố B. Khi đi đến nơi giao nhau cùng cấp giữa đường liên thôn vc với đường liên thôn cv thuộc xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo đã thiếu chú ý quan sát, không nhường quyền ưu tiên cho xe đi đến từ bên phải và không giảm tốc độ để có thể dừng lại an toàn. Hậu quả để phía trước, bên trái đầu xe Ô tô tải biển số 47C – scx.vz tông vào phía sau, bên trái xe Mô tô biển số 47P5 – svcx do anh Nguyễn Đức P điều khiển lưu thông từ bên phải theo hướng đi của bị cáo, phía sau chở con gái là cháu Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn C. Dẫn đến anh Nguyễn Đức P bị thương tích 62%, anh Nguyễn Văn C bị thương tích 37% và cháu Nguyễn Thị Mỹ D bị thương tích 0%. Tổng tỷ lệ thương tích là 99% là phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia thông đường bộ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a)....

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%”.

....”

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây thiệt hại đến sức khỏe của người bị hại đồng thời xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng. Bị cáo nhận thức được khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn giao thông đường bộ. Xong do ý thức coi thường pháp luật, bị cáo đã không tuân thủ các

quy định tại khoản 23 Điều 8, Điều 12 và khoản 1 Điều 24 Luật giao thông đường bộ dẫn đến hậu quả gây tai nạn làm anh Nguyễn Đức P bị thương tích 62%, anh Nguyễn Văn C bị thương tích 37% và cháu Nguyễn Thị Mỹ D bị thương tích 0%, tổng tỷ lệ thương tích là 99%. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi do bị cáo gây ra thì mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung trong đấu tranh chống tội phạm.

Trong vụ án này, đối với anh Nguyễn Đức P: Anh Nguyễn Đức P đã được cấp Giấy phép lái xe hạng A1. Quá trình điều khiển xe mô tô biển số 47P5 – svcx, anh P cho xe lưu thông trên đường liên thôn cv theo hướng từ thôn cv về đường liên thôn vc thuộc xã K, thành phố B. Khi đi đến nơi giao nhau cùng cấp giữa đường liên thôn vc với đường liên thôn cv đã thiếu chú ý quan sát và không giảm tốc độ để có thể dừng lại an toàn dẫn đến gây tai nạn. Hậu quả làm anh Nguyễn Văn C bị thương tích 37% và cháu Nguyễn Thị Mỹ D bị thương tích 0%. Hành vi của anh Nguyễn Đức P vi phạm Điều 12 Luật Giao thông đường bộ và khoản 3 Điều 5 của Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải. Tuy nhiên, hành vi này chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Nguyễn Đức P là có cơ sở.

[4] Về T tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Huỳnh Văn T không có T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về T tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc P hậu quả, bồi thường cho người bị hại. Người bị hại đã làm đơn bãi nại cho bị cáo. Mặt khác, trong vụ án này cũng có một phần lỗi của anh Nguyễn Đức P. Đây là những T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Nhận thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, tập trung nhiều T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục và tạo điều kiện để bị cáo có cơ hội phấn đấu trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng:

Qua điều tra xác định: Đối với Xe Ô tô biển số 47C – scx.vz, nhãn hiệu DOTHANH, loại xe: Ô tô tải có mui, màu sơn: Xanh, số máy: ZLQ cxvcxxzzvc, số khung: 17APKDzcxvz, số loại: IZ65-TMB, dung tích: 2771 cm³, số chỗ ngồi 3 đã qua sử dụng cùng 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số KD zxcxvc và 01 bản sao giấy đăng ký xe số zscxz mang tên Nguyễn Văn B; anh Bình đã chuyển nhượng cho chị Tạ Thị

Ngọc N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả lại chiếc xe ô tô cùng giấy tờ liên quan cho chị N nhận quản lý, sử dụng.

Đối với xe Mô tô biển số 47N1 – 2962, nhãn hiệu Yamaha, loại xe nữ, màu sơn bạc – đen, dung tích 110cm³, số máy 47P5 – svcx, nhãn hiệu Yamaha, loại xe nữ, màu sơn bạc – đen, dung tích 110cm³, số máy 5Ccxxzv, số khung Czvxzvzv đã qua sử dụng cùng 01 giấy đăng ký xe số szxcxvcs mang tên Nguyễn Thị Q. Anh Nguyễn Đức P mượn chiếc xe Mô tô trên của chị Q. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả lại chiếc xe Mô tô trên cùng giấy tờ liên quan cho chị Q nhận quản lý, sử dụng.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng A1, số szvxvxcz mang tên Nguyễn Đức P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại giấy phép lái xe trên cho anh P nhận quản lý, sử dụng.

Nhận thấy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại các tài sản và giấy tờ liên quan trên cho các chủ sở hữu là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng D, số vcxzxvcxzcvc mang tên Huỳnh Văn T đã được thu giữ, cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Huỳnh Văn T và chị Tạ Thị Ngọc N đã tự nguyện bồi thường tiền chi phí điều trị, tiền tổn thất tinh thần và các khoản chi phí khác cho anh Nguyễn Đức P và cháu Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 50.000.000 đồng; bồi thường tiền chi phí điều trị, tiền tổn thất tinh thần và các khoản chi phí khác cho anh Nguyễn Văn C số tiền 60.000.000 đồng. Anh P và anh C đã nhận đủ số tiền và làm đơn bãi nại, không yêu cầu bị cáo Huỳnh Văn T phải bồi thường thêm một khoản chi phí nào khác. Đồng thời, các bên thỏa thuận chi phí sửa chữa xe Mô tô biển số 47P5 – svcx, chi phí sửa chữa xe Ô tô biển số 47C – scx.vz do các bên tự chịu trách nhiệm sửa chữa hư hỏng. Nhận thấy, việc thỏa thuận bồi thường là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

[2] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Văn T** 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 589, 590, 601 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả lại: 01 xe Ô tô biển số 47C – scx.vz, nhãn hiệu DOTHANH, loại xe: Ô tô tải có mui, màu sơn: Xanh cùng 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số KD zxcxvc và 01 bản sao giấy đăng ký xe số zscxz mang tên Nguyễn Văn B cho chị Tạ Thị Ngọc N; 01 xe Mô tô biển số 47P5 – svcx, nhãn hiệu Yamaha, loại xe nữ, màu sơn bạc – đen cùng 01 giấy đăng ký xe số szxcxvcs mang tên Nguyễn Thị Q cho chị Nguyễn Thị Q; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số szvxvcz mang tên Nguyễn Đức P cho anh Nguyễn Đức P nhận quản lý, sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn T 01 giấy phép lái xe hạng D số vcxxxcvxzc mang tên Huỳnh Văn T (Hiện đang lưu giữ tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột).

Chấp nhận bị cáo Huỳnh Văn T và bà Tạ Thị Ngọc N đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Đức P và cháu Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 50.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn C số tiền 60.000.000 đồng.

Chấp nhận việc thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Q với chị Tạ Thị Ngọc N và bị cáo Huỳnh Văn T về việc tự chịu chi phí sửa chữa xe Mô tô biển số 47P5 – svcx và chi phí sửa chữa xe Ô tô biển số 47C – scx.vz.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Huỳnh Văn T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận :

- VKSND, TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS, Công an TP.BMT;
- CCTHA DSTP.BMT, THA phạt tù;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Hòa Khánh, Tp.BMT;
- Bị cáo; Các đương sự;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải An